

Số: 277/MNTH
V/v đề xuất mức thu
năm học 2023 - 2024

Quận 1, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 Nghị quyết Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Công văn số 3710/UBND-GDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục trên đại bàn Quận 1;

Căn cứ biên bản buổi họp Cha mẹ học sinh các lớp vào ngày 20 tháng 10 năm 2023, 100% Cha mẹ học sinh thống nhất thực hiện các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024.

Trường Mầm Non Tuổi Hồng đề xuất thực hiện các mức thu năm học 2023 - 2024 như sau:

I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (Không bắt buộc)

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống		120.000 đồng/hs/tháng	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (vẽ, võ thuật, nhíp điệu)	80.000 đồng/hs/tháng/môn	80.000 đồng/hs/tháng/môn	
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài		180.000 đồng/hs/tháng	
4	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	250.000 đ/hs/tuần	250.000 đ/hs/tuần	

II. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng	

2	Tiền phục vụ ăn sáng	220.000 đồng/hs/tháng	220.000 đồng/hs/tháng	
3	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	400.000 đồng/hs/năm	400.000 đồng/hs/năm	
4	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	60.000 đồng/hs/tháng	60.000 đồng/hs/tháng	

III. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

TT	Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ghi chú
1	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	180.000 đồng/hs/bộ	180.000 đồng/hs/bộ	
2	<i>Tiền học phẩm - học cụ, học liệu:</i>			
2.1	Tiền học phẩm	30.000 đồng/hs/năm	30.000 đồng/hs/năm	
2.2	Học cụ - Học liệu	320.000 đồng/hs/năm	320.000 đồng/hs/năm	
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/hs/ngày	35.000 đồng/hs/ngày	
4	Tiền suất ăn sáng	17.000 đồng/hs/ngày	17.000 đồng/hs/ngày	
5	Tiền nước uống	15.000 đồng/hs/tháng	15.000 đồng/hs/tháng	
6	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	30.000 đồng/hs/năm	30.000 đồng/hs/năm	
7	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	30.000 đồng/hs/tháng	30.000 đồng/hs/tháng	

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Q1;
- Lưu: VT.



Vũ Thị Ngọc Bắc

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI TẠI ĐƠN VỊ

(Đính kèm theo công văn số 277/MNTH ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Trường Mầm non Tuổi Hồng)

(Đvt: đồng)

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2023-2024		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I	SỐ HỌC SINH	$1=2+3$	169		
	+ Nhà trẻ	2	12		
	+ Mẫu giáo	3	157		
II	DỰ TOÁN THU CHI				
A	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa				
1	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	Số học sinh	48		
	Mức thu	$4=5/48 \text{ hs}$	120.000		
	Tổng dự toán chi	$5=6+7+8$	5.760.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	6	5.184.000	90%	
	- Chi trực tiếp giảng dạy trích trên tổng thu 90%				
	Chi cho bộ phận gián tiếp	7	460.800	8%	
	- Chi ban giám hiệu (3 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi bộ phận hành chính (2 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi giáo viên (15 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi phục vụ, bảo vệ, NV nấu ăn (6 người x 150.000 đ/tháng)				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	8	115.200	2%	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (vẽ)	Số học sinh	80		
	Mức thu	$9=10/80 \text{hs}$	80.000		
	Tổng dự toán chi	$10=11+12+13$	6.400.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	11	5.120.000	80%	
	- Chi trực tiếp giảng dạy trích trên tổng thu 80%				
	Chi cho bộ phận gián tiếp	12	1.152.000	18,0%	
	- Chi ban giám hiệu (3 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi bộ phận hành chính (2 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi giáo viên (15 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi phục vụ, bảo vệ, NV nấu ăn (6 người x 150.000 đ/tháng)				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	13	128.000	2%	
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (võ thuật)	Số học sinh	78		
	Mức thu	$14=15/78 \text{hs}$	80.000		
	Tổng dự toán chi	$15=16+17+18$	6.240.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	16	4.992.000	80%	
	- Chi trực tiếp giảng dạy trích trên tổng thu 80%				
	Chi cho bộ phận gián tiếp	17	1.123.200	18%	
	- Chi ban giám hiệu (3 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi bộ phận hành chính (2 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi giáo viên (15 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi phục vụ, bảo vệ, NV nấu ăn (6 người x 150.000 đ/tháng)				



	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	18	124.800	2%	
4	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu (Nhịp điệu)	Số học sinh	26		
	Mức thu	19=20/26hs	80.000		
	Tổng dự toán chi	20=21+22+23+24	2.080.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	21	1.664.000	80%	
	- Chi trực tiếp giảng dạy trích trên tổng thu 80%				
	Chi cho bộ phận gián tiếp	22	256.800	12,4%	
	- Chi ban giám hiệu (3 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi bộ phận hành chính (2 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi giáo viên (15 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi phục vụ, bảo vệ, NV nấu ăn (6 người x 150.000 đ/tháng)				
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	23	117.600	5,7%	
	- Tiền điện, nước				
	- Tiền mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị.....				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	24	41.600	2%	
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	Số học sinh	63		
	Mức thu	25=26/63hs	180.000		Tăng 12,5% tăng theo mức giá của công ty
	Tổng dự toán chi	26=27+28+29	11.340.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	27	10.206.000	90%	
	- Chi trực tiếp giảng dạy trích trên tổng thu 90%				
	Chi cho bộ phận gián tiếp	28	907.200	8%	
	- Chi ban giám hiệu (3 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi bộ phận hành chính (2 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi giáo viên (15 người x 150.000 đ/tháng)				
	- Chi phục vụ, bảo vệ, NV nấu ăn (6 người x 150.000 đ/tháng)				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	29	226.800	2%	
6	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	Số học sinh	36		
	Mức thu	30=31/36hs	1.000.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	31=32+33+34	36.000.000	100%	
	Chi thanh toán cho cá nhân	32	32.113.120	90%	
	- Chi công phục vụ nuôi dạy trẻ trong hè		18.000.000		
	- Chi lương hợp đồng dịch vụ công ty Nhân Kiệt (1 người)		8.900.320		
	- Chi lương, trích đóng bảo hiểm nhân viên hè (3 người)		4.492.800		
	- Chi quản lý phí (tổng thu x 2% HT, KT, thù quỹ)		720.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	33	3.166.880	8%	
	- Vệ sinh môi trường				
	- Vật tư văn phòng				
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị...				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	34	720.000	2%	
B	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án				
C	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú				
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Số học sinh	169		
	Mức thu	35=36/1	550.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	36=37+38+39	92.950.000	100%	

	Chi thanh toán cá nhân	37	83.655.000	90%	
	- Chi lương hợp đồng 5 người (2 NVPV, 2 NVNA, 1 Văn thư)		25.940.016		
	- BHXH, BHYT, BHTN (4.680.000đ x 21,5% x 4 người/ tháng 5.007.600 x 21,5% x 1 người/tháng)		7.592.832		
	- KPCĐ (4.680.000đ x 2% x 4 người/ tháng + 5.007.600 2% x 1 người/tháng)		477.552		
	- Chi đóng chi phí + thuế thuê dịch vụ HĐ 68 (2 NV bảo vệ)		16.200.000		
	- Chi hỗ trợ thêm tính chất công việc (1.811.400 đ/người x 4 người (2 NV nấu ăn , 2NV vệ sinh + 2.000.000 đ/tháng x 1 người NV văn thư +2.500.000 đ/tháng NV		11.745.600		
	- Chi tiền trực đêm thứ 7+ CN cho bảo vệ (200.000 đ/người/1 đêm) 02 người		1.600.000		
	- Chi bồi dưỡng công tác quản lý phí (tổng thu x 2%) - (Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ- Văn thư)		1.859.000		
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thủ quỹ (0,1 x 1.800.000 đ)		180.000		
	- Chi phụ cấp độc hại cho văn thư (0,2 x 1.800.000 đ)		360.000		
	- Tiền phục vụ bán trú 500.000 đ/người x 25 người		12.500.000		
	- Phụ cấp quản lý bán trú		5.200.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	38	7.436.000	8%	
	- Mua sắm đồ dùng , vật dụng phục vụ vệ sinh bán trú				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	39	1.859.000	2%	
2	Tiền phục vụ ăn sáng	Số học sinh	100		
	Mức thu	40=41/100hs	220.000		Giảm 30.000 đ/hs/tháng
	Tổng dự toán chi	41=42+43+44	22.000.000	100%	
	Chi thanh toán cá nhân	42	21.240.000	96,70%	
	- Chi tiền công người lao động phục vụ ăn sáng cho học sinh (25 người x 800.000 đ/tháng)		20.800.000		
	- Quản lý phí (2%): (Hiệu trưởng, Kế toán, văn thư – thủ quỹ)		440.000		
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	43	320.000	1,30%	
	- Tiền điện, nước				
	- Tiền vật tư vật tư văn phòng				
	- Tiền mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị.....				
	- Tiền vệ sinh môi trường				
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	44	440.000	2%	
3	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	Số học sinh	169		
	Mức thu	45=46/1	400.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	46=47+48	67.600.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	47	66.248.000	98%	
	- Mua đồ thay chén, ly uống nước, đồ dùng bữa ăn cho học sinh....		29.500.000		
	- Mua bổ sung, thay mới đồ dùng, dụng cụ nhà bếp		22.700.000		
	- Tiền bổ sung đồ dùng vận chuyển thực phẩm		14.048.000		
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	48	1.352.000	2%	
4	Tiền nhân viên nuôi dưỡng	Số học sinh	126		
	Mức thu	49=50/126hs	60.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	50=51+52	7.560.000	100%	



	Chi thanh toán cá nhân	51	7.408.800	98%	
	Chi hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng (Số lượng người : 02), trong đó:		7.408.800		
	- Lương: 2 người x 2.340.000 đ/tháng x 7% mức lương đã qua học nghề đào tạo		5.007.600		
	- BHXH, YT, TN: 2 người x 5.007.000 đ/tháng x 21,5%		2.153.268		
	- KPCĐ: 2 người x 5.007.000 x 2%		247.932		
	Chi nộp thuế (2% x tổng thu)	52	151.200	2%	
D	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	Số học sinh	50		
	Mức thu	53=54/50hs	180.000		
	Tổng dự toán chi	54=55	9.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	55	9.000.000		
	- Trang bị đồng phục cho học sinh		9.000.000		
1	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu	Số học sinh	169		
	Học phẩm				
	Mức thu	56=57/1	50.000		Giảm 300.000 đ/hs/năm
	Tổng dự toán chi	57=58	8.450.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	58	8.450.000	100%	
	- Trang bị học phẩm phục vụ cho trẻ tổ chức hoạt động giáo dục		8.450.000		
	Học cụ - học liệu				
	Mức thu	59=60/1	350.000		
	Tổng dự toán chi	60=61	59.150.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	61	59.150.000	100%	
	- Trang bị mỗi trẻ 1 bộ tài liệu, học liệu theo lứa tuổi		25.000.000		
	- Bộ học cụ, dụng cụ Tạo hình dùng chung		18.500.000		
	- Mua bổ sung đồ chơi sử dụng chung cho lớp		8.200.000		
	- Mua đồ chơi, vật liệu bổ sung thay đổi góc chơi trong năm		7.450.000		
2	Tiền suất ăn trưa bán trú	Số học sinh	169		
	Mức thu	62=63/1/22 ngày	35.000		Giảm 3.000 đ/hs/ngày.
	Tổng dự toán chi	63=64	130.130.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	64	130.130.000	100%	
	- Chi hết cho bữa ăn trưa và ăn xế của học sinh (trong đó có 1 phần sữa uống hàng ngày)		130.130.000		
3	Tiền suất ăn sáng (Không bắt buộc và thu hàng tháng theo số ngày ăn thực tế)	Số học sinh	100		
	Mức thu	65=66/100hs/22 ngày	17.000		Tăng 2.000 đ/hs/ngày.
	Tổng dự toán chi	66=67	37.400.000		Do giá thực phẩm tăng
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	67	37.400.000		
	- Chi hết cho bữa ăn sáng của học sinh		37.400.000	100%	
5	Tiền nước uống	Số học sinh	100		
	Mức thu	68=69/1	15.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	69=70	2.535.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	70	2.535.000		
	Chi hết cho việc mua nước uống Ion-life		2.535.000	100%	

6	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	Số học sinh	169		
	Mức thu	71=72/1	30.000		
	Tổng dự toán chi	72=73	5.070.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	73	5.070.000	100%	
	- Công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh , nhập dữ liệu kết quả khám sức khỏe định kỳ của từng học sinh		4.525.000	90,8%	
	- Tiền công khám sức khỏe định kỳ cho học sinh		545.000	9,2%	
7	Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (18 máy - 9 lớp)	Số học sinh	169		
	Mức thu	74=75/1	30.000		Giữ nguyên
	Tổng dự toán chi	75=76	5.070.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	76	5.070.000		
	Chi phí tiền điện, chi bảo trì , vệ sinh, sạc gas, sửa chữa máy lạnh		5.070.000	100%	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Trâm



Quận 1 ngày 20 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thị Ngọc Bắc

